TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LẠC** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/HS-ST
Ngày 28/11/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LẠC - TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Doanh Thị Mây

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Thế Dũng

Bà Dương Thị Lầu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Bế Sư Chưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2019/TLST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với:

1. Bị cáo **Tô Tuấn A**, sinh ngày 15/8/1989

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố B, thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng;

Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Tô Quang T, sinh năm 1957 và bà Hà Thị X, sinh năm 1962; Vợ: Lương Thị H, sinh năm 1989; Con: Có 01 con sinh năm 2009;

Tiền án, tiền sự: Có 01 tiền sự: Ngày 24/5/2019 bị Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, sau đó là tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện BL, tỉnh Cao Bằng từ ngày 04/10/2019 đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

* Bị hại:

- Ông Vũ Đình N, sinh năm 1967; Cư trú tại: Tổ dân phố B, thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt tại phiên tòa);

- Bà Tô Thị Đ, sinh năm 1964; Cư trú tại: Tổ dân phố B, thị trấn BL,

huyện BL, tỉnh Cao Bằng(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt);

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nông Thị H1, sinh năm 1981; Cư trú tại: Tổ dân phố C, thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt tại phiên tòa);

- Anh Ma Văn Th, sinh năm 1990; Cư trú tại: Tổ dân phố C, thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng (Có mặt tại phiên tòa);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 00 ngày 05/9/2019, Tô Tuấn A, sinh năm 1989, trú tại Tổ dân phố B, Thị trấn BL, BL, Cao Bằng đi từ nhà đến quán bán hàng của ông Vũ Đình N, sinh năm 1967 cùng tổ dân phố C mục đích là để mượn xe máy đi mua ma túy về sử dụng. Khi gặp ông N, Tuấn A có nói "cho em mượn xe máy đi chơi một lúc rồi trả". Do là hàng xóm quen biết nên ông N đã đồng ý cho Tuấn A mượn chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu đỏ - đen, biển kiểm soát 17N7 – 0959. Khi mượn được xe Tuấn A điều khiển xe máy đến gầm cầu NC, thị trấn BL mua ma túy và sử dụng tại đó. Sau khi sử dụng ma túy do bản thân sử dụng và lệ thuộc vào ma túy đã lâu, thấy chưa thỏa mãn với lượng ma túy vừa sử dụng, lại không có tiền nên Tuấn A nảy sinh ý định lấy xe máy của ông N đi cầm cố lấy tiền mua ma túy sử dụng. Đến khoảng 12 giờ 00 cùng ngày, Tuấn A điều khiển chiếc xe máy trên đến đoạn đường thuộc Tổ dân phố C, thị trấn BL thì xe bị thủng lốp. Tuấn A dắt xe đến trước cửa quán sửa xe của chị Nông Thị H1 nhờ chồng chị H1 sửa xe máy. Do cần tiền mua ma túy sử dụng, nên Tuấn A hỏi đặt lại xe máy với chị H1 và lấy 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng), hẹn đến tối cùng ngày sẽ đến chuộc xe máy và trả tiền cho chị H1. Chị H1 đồng ý và đưa tiền cho Tuấn A. Sau khi lấy được tiền, Tuấn A đem đi mua ma túy về sử dụng và tiêu sài cá nhân hết. Do bản thân sử dụng ma túy không có việc làm, không có tiền chuộc xe để trả lại ông N nên Tuấn A bỏ đi chơi không về nhà.

Sau khi nhận được đơn trình báo của ông Vũ Đình N, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện BL đã tiến hành xác minh, tạm giữ xe máy là vật chứng vụ án và yêu cầu định giá tài sản. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 28 ngày 04/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện BL kết luận: 01 (Một) xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu đỏ - đen, biển kiểm soát 17N7- 0959, số máy 31C3012497, số khung 1C30AY012489, đã qua sử dụng, có trị giá là 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra Tô Tuấn A khai nhận ngoài hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản Tuấn A còn có hành vi trộm cắp tài sản tại Tổ dân phố C, thị trấn BL. Cụ thể: Khoảng 08 giờ sáng không nhớ rõ ngày vào đầu tháng 9/2019, Tô Tuấn A đi từ nhà đến nhà của bà Tô Thị Đ cùng tổ dân phố B. Khi đến thấy cổng khóa, quan sát không có người Tuấn A nảy

sinh ý định trộm cắp tài sản bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. Tuấn A trèo qua cổng vào trong sân, nhìn thấy 01(Một) máy bơm màu xanh, nhãn hiệu SEALAND 750, liền rút dây điện, ống nước, xách máy bơm trèo ra ngoài. Khi ra đến ngoài đường, Tuấn A đi nhờ xe máy một em học sinh nam không quen chở sang quán sửa chữa xe máy của Ma Văn Th, sinh năm 1990, tại Tổ dân phố C, thị trấn BL, đặt lại chiếc máy bơm tại đây và lấy với anh Th số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), sau đó mang tiền đi mua ma túy về sử dụng và tiêu sài cá nhân hết.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện BL đã tiến hành xác minh, truy thu và yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc máy bơm là tang vật vụ án. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 29 ngày 11/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện BL kết luận: 01 máy bơm nhãn hiệu SEALAND 750, loại 14 kilôgam, máy bơm cũ đã qua sử dụng có trị giá là 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng).

Tô Tuấn A đã có 01 (Một) tiền sự, ngày 24/5/2019 bị Công an huyện BL ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Ngày 30/10/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện BL đã ra quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án, bổ sung quyết định khởi tố bị can đối với Tô Tuấn A về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại Cơ quan điều tra, Tô Tuấn A đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình, lời khai nhận của bị can phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị hại ông Vũ Đình N, bà Tô Thị Đ đều xác định đã nhận lại được tài sản bị mất nên không có yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị H1 yêu cầu Tô Tuấn A trả lại số tiền 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) là tiền cầm cố xe máy. Ông Ma Văn Th yêu cầu Tô Tuấn A trả lại số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) là tiền cầm cố máy bơm.

Tại bản Cáo trạng số 43/CT-VKSBL ngày 12/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Tô Tuấn A về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 và Trộm cắp tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Tuyên bố Tô Tuấn A phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm a khoản 1 Điều 173; điểm s

khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Tô Tuấn A về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản với khung hình phạt từ 09 (Chín) đến 12 (Mười hai) tháng tù; tội Trộm cắp tài sản với khung hình phạt từ 09 (Chín) đến 12 (Mười hai) tháng tù. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 589 Bộ luật dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Tô Tuấn A phải có trách nhiệm bồi thường cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị H và ông Ma Văn Th toàn bộ thiệt hại.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Tô Tuấn A thừa nhận hành vi phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Tô Tuấn A thừa nhận bản Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với mọi hành vi do mình gây ra. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đã lợi dụng sự quen biết và tin tưởng của người khác chiếm đoạt và trộm cắp tài sản phục vụ cho nhu cầu cá nhân. Hành vi của bị cáo xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự xã hội ở địa phương.

"Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm".

"Điều 175. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, có khả năng nhưng cố tình không trả";

Như vậy, hành vi của bị cáo Tô Tuấn A đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản và tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173; điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện BL truy tố đối với bị cáo Tô Tuấn A về tội Trộm cắp tài sản và tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173; điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân bị cáo Tô Tuấn A sinh ra và lớn lên tại thị trấn BL, được bố mẹ nuôi ăn học nhưng sớm bỏ học, không nghề nghiệp, lười lao động bản thân sử dụng và lệ thuộc vào ma túy. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Do đó, cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu đã có 01 (một) tiền sự về hành vi lừa đảo. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xử lý bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị H1 và anh Ma Văn Th là có căn cứ cần được chấp nhận. Cần buộc bị cáo Tô Tuấn A phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 173; điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Tuyên bố bị cáo Tô Tuấn A phạm tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 173; điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Xử phạt Bị cáo Tô Tuấn A 09 (Chín) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; 09 (Chín) tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là 18 (Mười tám) tháng tù, thời gian thụ hình tính từ ngày bị cáo bị bắt 04/10/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015.

Buộc bị cáo Tô Tuấn A phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Nông Thị H1, cư trú tại: Tổ dân phố C, thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng số tiền 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng); Anh Ma Văn Th, cư trú tại: Tổ dân phố C, thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với từng khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh do chậm trả của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Bị cáo Tô Tuấn A phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp công quỹ nhà nước.

Án xử sơ thẩm có mặt bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Th, vắng mặt bị hại (Đ, N) người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (H1). Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS tỉnh, VKS huyện;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Sở Tư pháp
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện, Trại giam;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- UBND thị trấn BL;
- Lưu.

DOANH THỊ MÂY